

Bản án số: **135/2024/DS-ST**

Ngày: 27-5-2024

V/v: “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bích Ân

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Trần Thị Đông;

+ Ông Nguyễn Văn Thông.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Anh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2023/TLST- DS ngày 27 tháng 10 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Thông báo hoãn phiên tòa số 03/TB-TA ngày 26/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 14, Đinh Công T, Khối phố 2, phường Ph, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt.

- *Bị đơn:*

+ Ông Vũ Tiến Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: đường H, Khối phố 5, phường An X, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Quỳnh A, sinh năm: 1987; địa chỉ liên hệ: Số 18, Thoại Ngọc H, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh trình bày:*

Vào ngày 20/6/2022, ông Vũ Tiến Đ có đến nhà tôi mượn số tiền là 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*) để làm thêm đất vào quán cà phê, thời hạn mượn số tiền trên là 01 (một) tháng. Khi đến nhà tôi mượn tiền, ông Đ đi một mình nên tôi không cho mượn. Tôi có yêu cầu ông Đ đem giấy tờ mượn tiền cho hai vợ chồng cùng ký vào. Sau đó, ông Đ có đến nhà nói với tôi là vợ ông bị covid nên ông Đ đã đem giấy mượn tiền cho vợ ông ký tại bệnh viện. Việc vợ ông Đ

là bà Phạm Quỳnh A có ký vào giấy mượn tiền hay không thì tôi không rõ nhưng ông Đ là người tự viết giấy và ký trước mặt tôi. Đến nay, ông Đ và bà A vẫn không trả cho tôi số tiền nêu trên. Tại đơn khởi kiện, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà Anh phải trả cho tôi số tiền 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, đến nay tôi được biết chữ ký trong giấy mượn tiền không phải của bà Phạm Quỳnh A. Do vậy, tôi chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Vũ Tiến Đ phải trả cho tôi số tiền là 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*).

Tại bản tự khai ngày 04/12/2023, bị đơn bà Phạm Quỳnh A trình bày: Tôi và ông Vũ Tiến Đ là vợ chồng. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, hai chúng tôi phát sinh mâu thuẫn nên tôi và ông Đ đã sống ly thân với nhau từ tháng 03/2022. Việc ông Đ vay tiền của bà Nh tôi không được biết, tôi không có ký vào giấy mượn tiền của bà Nh và cũng không biết ông Đ sử dụng số tiền trên vào mục đích gì. Khi nhận được thông báo của Tòa án về vụ kiện của bà Nh, tôi có gọi điện thoại cho ông Đ, ông Đ nói đây là tiền ông mượn riêng và sẽ có trách nhiệm trả nợ, không liên quan gì đến tôi. Nay, với yêu cầu khởi kiện của bà Nh về việc yêu cầu tôi cùng với ông Đ phải trả số tiền 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*) tôi không đồng ý. Bởi vì, việc ông Đ vay tiền không thông qua ý kiến của tôi và việc ông Đ dùng số tiền vay nêu trên vào mục đích gì tôi không được biết. Do đó, tôi đề nghị Tòa án buộc ông Đ phải trả toàn bộ số tiền trên cho bà Nh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Vũ Tiến Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hoà giải.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa là đúng pháp luật. Bị đơn được tổng đạt thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Nh, buộc bị đơn ông Vũ Tiến Đ phải trả cho bà Nh số tiền là 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Nh khởi kiện yêu cầu ông Vũ Tiến Đ và bà Phạm Quỳnh A phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ theo hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Vũ Tiến Đ, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Theo đơn khởi kiện, bà Huỳnh Thị Nh yêu cầu ông Vũ Tiến Đ và bà Phạm Quỳnh A phải trả số tiền 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*) trong hợp đồng vay tài sản. Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Bà Huỳnh Thị Nh cung cấp chứng cứ là giấy mượn tiền lập ngày 20/6/2022 có chữ ký của ông Vũ Tiến Đ và bà Phạm Quỳnh A. Tuy nhiên, theo kết quả giám định chữ ký của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam tại bản kết luận số 168/KL-KTHS ngày 14/3/2024 kết luận:

+ Chữ ký, chữ viết họ tên Vũ Tiến Đ (*dưới chữ ký*) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết họ tên Vũ Tiến Đ (*dưới chữ ký*) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết họ tên Phạm Quỳnh A (*dưới chữ ký*) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên Phạm Quỳnh A (*dưới chữ ký*) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 và M5 không phải do cùng một người ký, viết ra.

+ Từ chối giám định đối với chữ ký đứng tên Phạm Quỳnh A trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Phạm Quỳnh A trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 và M5 do không đồng dạng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền nêu trên là của ông Vũ Tiến Đ và không phải chữ viết của bà Phạm Quỳnh A. Mặt khác, theo lời khai của bà Nh thể hiện, việc mượn tiền nêu trên là chỉ một mình ông Đ đến nhà bà, không có mặt bà Phạm Quỳnh A.

Hơn nữa, theo lời khai của bà Quỳnh A thì mặc dù giữa ông Đ và bà Anh chưa ly hôn, tuy nhiên hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 03/2022 đến nay. Bà Phạm Quỳnh A đã về nhà cha mẹ sinh sống, việc mượn số tiền nêu trên của ông Đ không có sự đồng ý của bà và việc ông Đ dùng số tiền nêu trên vào việc gì bà Anh không được biết và cũng không phải dùng để cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Do đó, không có cơ sở để buộc bà Phạm Quỳnh A phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng với ông Vũ Tiến Đ. Mặt khác, tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị Nh cũng chỉ yêu cầu Tòa án buộc một mình ông Vũ Tiến Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai cũng như cung cấp chứng cứ thể hiện đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà Nh. Do vậy, có đủ cơ sở xác định ông Đ có vay tiền của bà Nh và đến thời điểm hiện nay vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, căn cứ Điều 466 BLDS cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh về việc buộc ông Vũ Tiến Đ phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền

1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*).

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký là 4.846.000đ (*Bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) bà Nh đã tạm nộp. Do yêu cầu khởi kiện của bà Nh được chấp nhận nên cần buộc ông Vũ Tiến Đ phải hoàn trả lại số tiền nêu trên cho bà Huỳnh Thị Nh.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh được chấp nhận toàn bộ nên ông Vũ Tiến Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 161, khoản 1 Điều 162; khoản 1 Điều 244; các điều 227, 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh đối với ông Vũ Tiến Đ.

- Buộc ông Vũ Tiến Đ phải trả cho bà Huỳnh Thị Nh số tiền là 1.130.000.000đ (*Một tỷ một trăm ba mươi triệu đồng*).

- *Về chi phí tố tụng*: ông Vũ Tiến Đ phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Nh chi phí giám định chữ ký là 4.846.000đ (*Bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí: án phí DS-ST là 45.900.000đ (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm nghìn đồng*) ông Vũ Tiến Đ phải chịu.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Tp. Tam Kỳ;
- Chi cục THADS Tp. Tam Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bích Ân